

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ
Về đất, nhà, công trình xây dựng, cây trồng bị thiệt hại của hộ ông Hoàng Bảy
thuộc dự án Tăng cường khả năng Thoát lũ Suối Rạt

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của UBND phường)

I. Thông tin về chủ sử dụng đất; diện tích đất thu hồi:

1. Tên chủ sử dụng đất:

Họ tên: hộ ông Hoàng Bảy; năm sinh: 1949; CCCD số: 046049004034

Địa chỉ thường trú: Bàu Ké, Đồng Phú, Đồng Nai.

2. Vị trí, diện tích, loại đất, nguồn gốc đất thu hồi:

- Vị trí đất: Bàu Ké, Đồng Phú, Đồng Nai.

- Thông báo thu hồi đất: 101/TB-UBND ngày 26/8/2025 của UBND xã Đồng Phú; Tờ bản đồ số: TĐ47-2024, Thửa số: 02; Diện tích đất thu hồi: 125,7 m²

c) Loại đất (MĐSDĐ): Đất trồng cây lâu năm

+ Giá đất bồi thường: Vị trí 1, phạm vi 1: 224.000 đồng/m²

+ Giá đất tại bảng giá đất: 224.000 đồng/m²

d) Nguồn gốc đất: Có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Thửa đất số: 66; Tờ bản đồ số: 7 (Bản đồ địa chính đo đạc năm 1998); Diện tích: 14162 m²;

II. Giá trị bồi thường, hỗ trợ:

1. Giá trị bồi thường về đất:										28.156.800
TT	Tờ BĐ	Số thửa	DT đất thu hồi (m ²)		Đơn giá đất BT (đồng/m ²)		Giá trị bồi thường về đất (đồng)			Ghi chú
			ONT	CLN	ONT	CLN	Tiền bồi thường đất ở	Tiền bồi thường đất NN	Tổng tiền bồi thường về đất	
			a	b	c	d	e = a*c	g=b*d	h = e+g	

1	TĐ47-2024	2	125,70	224.000	28.156.800	28.156.800	Căn cứ thông báo số 42/TB-VPĐK.ĐP ngày 03/02/2026 của chi nhánh VPĐK ĐĐ Đồng Phú xác định vị trí đất thuộc vị trí 1, phạm vi 1, khu vực nông thôn.
2. Giá trị bồi thường cây trồng							5.461.560
TT	Loại cây trồng	Số lượng (cây)	Số lượng cây bồi thường	Năm trồng, quy cách	Đơn giá	Tiền BT	Ghi chú
			<i>a</i>	<i>b</i>	<i>c</i>	<i>d=a*c</i>	
	Cây cao su	9	9	2010	606.840	5.461.560	Căn cứ Khoản 3, Điều 2 Quyết định 66/2025/QĐ-UBND ngày 27/11/2025 của UBND tỉnh, quy định. " Đối với cây trồng phân tán (cây trồng trên diện tích nhỏ hoặc trên các dải đất hẹp) thì giá trị bồi thường được tính bằng số cây trồng thực tế theo kết quả kiểm đếm nhân với đơn giá bồi thường kèm theo quyết định này".
3. Giá trị hỗ trợ ổn định đời sống							6.480.000
TT	Tổng số nhân khẩu	Số tháng hỗ trợ/ 1 nhân khẩu	Số gạo hỗ trợ trong 1 tháng (kg)	Đơn giá gạo (đ/kg)	Giá trị hỗ trợ (đồng)	Ghi chú	
	<i>a</i>	<i>b</i>	<i>c</i>	<i>d</i>	<i>e = a*b*c*d</i>		
1	8	3	15	18.000	6.480.000	Căn cứ giấy xác nhận nhân khẩu số 286/XNNK của công an xã Đồng Phú ngày 09/12/2025. Căn cứ công văn số 46/UBND-KT của UBND xã Đồng Phú ngày 24/12/2025 xác nhận hộ ông Hoàng Bảy có diện tích đất nông nghiệp thu hồi dưới 30% trên tổng diện tích đất nông nghiệp trên địa bàn xã.	
4. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm							42.235.200

TT	Tờ BD	Số thửa	Diện tích đất CLN	Đơn giá theo Bảng giá đất	Hệ số hỗ trợ (lần)	Giá trị hỗ trợ	Ghi chú
			<i>a</i>	<i>b</i>	<i>c</i>	<i>d=a*b*c</i>	
1	TĐ47-2024	2	125,70	224.000	1,5	42.235.200	* Căn cứ công văn số 46/UBND-KT của UBND xã Đồng Phú ngày 24/12/2025 xác nhận hộ ông Hoàng Bảy đang sử dụng và có nguồn thu nhập từ sản xuất nông nghiệp trên diện tích đất thu hồi. Đồng thời không thuộc các trường hợp quy định tại điểm a, b, c, d khoản 1 Điều 22 Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2025 của chính phủ.
5. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (1+2+3+4):							82.333.560
6. Tiền khen thưởng: Được chi trả sau khi bàn giao mặt bằng trước thời hạn theo thông báo của đơn vị tổ chức thực hiện nhiệm vụ GPMB							0
7. Tổng số tiền (5+6): Tám mươi hai triệu, ba trăm ba mươi ba ngàn, năm trăm sáu mươi đồng.							82.333.560

